TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày: 06/9/2023
Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà -** Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.
Các Hội Thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hiệp** và Ông **Đặng Thế Vinh**
Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Linh Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Hạnh Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2023/TB-TLST ngày 06/4/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-DS ngày 25/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2023/QĐDS-ST ngày 07/8/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V Bank). Trụ sở: Số T L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đã ủy quyền cho: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý, theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Phúc T1, ông Nguyễn Ngọc T2, ông Nguyễn Tuấn P. Theo Giấy ủy quyền số 11 ngày 02/2/2023.

(Ông T2, ông P có mặt tại phiên tòa)

- Đồng bị đơn:

1. Ông Lê Đức A . Sinh năm: 1988. CCCD số: 00108800xxx. HKTT: Số B phố H2, phường Tr, quận H, Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Anh T3. Sinh năm: 1990. CMND số: 012684xxx. HKTT: Tổ B1, V, H1, Hà Nội. Cùng địa chỉ liên lạc: Số H3, ngõ B2 phố T3, phường B4, quận H2, thành phố Hà Nội.

(Ông Đức A có mặt tại phiên tòa, bà T3 vắng mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Lan C. Sinh năm 1990. HKTT: Số M, nghách B5 đường H4, phường P1, H, thành phố Hà Nội. Hiện ở tại: số S phố M1, phường V1, quận H1, thành phố Hà Nội. (Bà C có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng: Bà Mai Phương L1. Sinh năm: 1991. HKTT: T4, T5, NB , phường M2, quận H1, thành phố Hà Nội. (Bà L1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3 đã cùng V bank ký kết Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1812251158627 ngày 03/01/2019, cụ thể:

- Số tiền vay: **535,000,000 VNĐ**
- Thời hạn vay: 96 tháng, tính từ ngày 03/01/2019
- Mục đích sử dụng vốn: **Thanh toán tiền mua xe ô tô Mazda3 Hatchback**
- Lãi suất trong hạn: 7,9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 03 tháng kể. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 03/04/2019, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/07/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất cơ sở 96 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 1,5%/năm. Mức lãi suất điều chỉnh tối đa là 7,9%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

■ **Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là**: 01 xe ô tô, nhãn hiệu Mazda 3, số khung RN2BN5AA6JC104048, số máy P520523054, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 30F-515.44 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2019, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Lê Đức A và vợ là bà Nguyễn Thị Anh T3 và tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ… được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc Tài sản thế chấp.

■ Bằng việc ký các Hợp đồng cho vay nói trên Ông Lê Đức A và vợ là bà Nguyễn Thị Anh T3 xác nhận đồng ý chấp nhận các điều khoản và điều kiện tại "Điều Kiện Giao Dịch Chung" về cho vay và thế chấp xe ô tô áp dụng đối với Khách hàng cá nhân vay từng lần, giải ngân một lần tại V bank để mua xe ô tô và khoản vay được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm là xe ô tô của chính Khách hàng. "Điều Kiện Giao Dịch Chung" bao gồm những điều khoản ổn định do V bank niêm yết tại công khai tại trụ sở V bank và trên website http://www.V bank.com.vn.

■ Qúa trình thực hiện Hợp đồng, Ông Lê Đức A và vợ là bà Nguyễn Thị Anh T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V bank và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

***Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:**

1. Buộc ông Lê Đức A và vợ là bà Nguyễn Thị Anh T3 phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với V bank, thanh toán cho V bank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phí phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 25/7/2023 khoản tiền này là:

Nợ gốc:	442,853,942 VND
Nợ lãi:	236,829,299 VND
Phạt chậm trả:	35.996.502 VND

Tổng cộng: 715,679,743 VND

2. Buộc ông Lê Đức A và vợ là bà Nguyễn Thị Anh T3 tiếp tục thanh toán hết nợ lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho đến ngày thực tế trả hết cho V bank.

3.V bank được tuyên trong bản án: V bank có quyền thu giữ, tự xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Lê Đức A và vợ là bà Nguyễn Thị Anh T3 để thu hồi nợ cho V bank, tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô, nhãn hiệu Mazda 3, số khung RN2BN5AA6JC104048, số máy P520523054, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS số 30F-515.44 do Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2019, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của ông Lê Đức A và vợ là bà Nguyễn Thị Anh T3 và tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

4. Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ ông Lê Đức A và vợ là bà Nguyễn Thị Anh T3 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lê Đức A có ý kiến tại bản tự khai ngày 10/5/2023 và ý kiến tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vợ chồng ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3 cùng chị Đỗ Lan C thỏa thuận việc vợ chồng bà T3 ông Đức A giúp chị C *(là bạn thân của vợ chồng)* đứng tên vay ngân hàng V bank tiền để mua chiếc xe ô tô, chiếc xe ô tô này sẽ mang tên ông Đức A. Chị C không phải trả tiền công cho vợ chồng bà T3 ông Đức A khi thực hiện thỏa thuận này.

Sau khi thỏa thuận, tháng 01 năm 2019, bà T3 ông Đức A đã đến ngân hàng V bank phòng giao dịch Văn Quán nộp hồ sơ xin vay tiền. Ngày 03/01/2019, bà T3 ông Đức A và ngân hàng V bank đã ký kết hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe vì cùng ngày bà T3 ông Đức A đã sa lông xe ở L2 mua một chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Mazda 3, số khung RN2BN5AA6JC104048, số máy P520523054.

Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền vay là **535.000.000 đồng** vào tài khoản của cửa hàng bán xe ô tô. Đây là số tiền vay còn thực tế giá mua bán chiếc xe này cao hơn số tiền vay do số tiền chênh lệnh chị C đã thanh toán trực tiếp cho cửa hàng xe ô tô.

Tiếp theo, ông Đức A và chị C đã đến phòng Cảnh sát giao thông ở phố L3 làm thủ tục đăng ký xe, bấm biển số xe. Chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Mazda 3, số khung RN2BN5AA6JC104048, số máy P520523054 đã được Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô vào ngày 02/01/2019 cho ông Lê Đức A. Kể từ ngày được nhận Giấy chứng nhận xe, ông Đức A đã giao xe cho chị C sử dụng, quản lý vì bà T3 ông Đức A cũng không có bằng lái xe ô tô.

Sau đó, hàng tháng chị C tự trả tiền theo thỏa thuận vào tài khoản thanh toán mang tên Lê Đức A tại V bank.

Do dịch bệnh Covid, từ năm 2020 chị C không trả được cho V bank theo thỏa thuận nên ngân hàng đã thông báo cho bà T3 ông Đức A về việc phải thực hiện trả ngay. Bà T3 ông Đức A đã liên hệ với chị C nhưng chị C nói gặp khó khăn không trả được.

Ông Đức A bà T3 giúp chị C hoàn toàn là tình cảm, không nhận một đồng tiền công nào, cũng không được hưởng quyền, lợi ích gì.

Ông Đức A khẳng định việc ông và chị C thỏa thuận về việc ông Đức A đứng tên vay tiền giúp chị C thì ngân hàng không biết vào thời điểm ký hợp đồng tín dụng, thế chấp và giải ngân số tiền vay. Sau thời hạn giải ngân khoảng 01 – 02 tháng thì ngân hàng mới biết do ông Đức A nói với cán bộ ngân hàng là anh Nghĩa là người theo dõi khoản vay.

Quan điểm của ông Đức A về việc giải quyết vụ án: chị C có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Ông Đức A đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm giải quyết vụ án.

Ông Đức A có biết việc bà C đã cho bạn của bà C là bà L1 mượn xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, BKS số 30F-515.44, ông Đức A không phản đối vì ông cho rằng đây là tài sản của bà C nên bà C cho ai mượn là quyền của bà C.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Anh T3 có ý kiến tại bản tự khai ngày 10/5/2023 và ý kiến tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Nội dung lời khai của bà T3 đồng nhất với ý kiến của chồng là ông Đức A. Theo bà biết chị C đã trả nợ khoản vay khoảng 93.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của ông Đức A tại V bank. Từ khi chị C không tiếp tục thanh toán cho V bank, năm 2020 đến nay V bank không cung cấp giấy lưu hành xe ô tô cho ông Đức A bà T3.

Quan điểm của bà T3 về việc giải quyết vụ án: Do có khó khăn khi trả nợ của bà C nên đề nghị ngân hàng xem xét mà miễn giảm toàn bộ nợ lãi khoản vay. Bà T3 đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm giải quyết vụ án.

Để chứng minh ý kiến trình bày của vợ chồng, bà T3 đã giao nộp "Hợp đồng ủy quyền đứng tên xe ô tô đề ngày 09/1/2019" có nội dung bà Đỗ Lan C là người mua xe ô tô trả góp ủy quyền cho ông Đức A đứng tên để vay tiền V bank, bà C là người có trách nhiệm trả nợ cho V bank đồng thời là người sử dụng chiếc xe ô tô trả góp là tài sản thế chấp cho V bank có nhãn hiệu Mazda 3, số khung RN2BN5AA6JC104048, số máy P520523054 BKS số 30F-515.44 do Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2019 cho ông Lê Đức A.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Đỗ Lan C có ý kiến tại bản tự khai ngày 10/5/2023 và ý kiến tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Do quen biết với chị Nguyễn Thị Anh T3, anh Lê Đức A, tháng 01/2019, bà C đã nhờ chị T3, anh Đức A đứng tên mua trả góp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, BKS số 30F-515.44 tại V bank. Giữa hai bên có lập một "Hợp đồng ủy quyền đứng tên xe ô tô đề ngày 09/1/2019" có nội dung thỏa thuận để bà C được sử dụng chiếc xe ô tô và thực hiện trả tiền gốc lãi hàng tháng đến khi kết thúc hợp đồng vay với ngân hàng, anh Đức A chị T3 sẽ sang tên chiếc xe ô tô cho bà C.

Nguyên nhân do việc bà C nhờ vợ chồng anh Đức A, chị T3 vì thời điểm tháng 01 năm 2019 bà C và chồng chưa làm thủ tục ly hôn nên nếu làm thủ tục vay ngân hàng và mua xe ô tô là khó khăn.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay giữa anh Lê Đức A và V bank, bà C là người đã trả tiền trực tiếp vào tài khoản thanh toán mang tên Lê Đức A. Tổng số tiền bà C đã trả đến ngày 14/6/2023 cho V bank là:

- Gốc: 247.000.000 đồng
- Lãi: 110.000.000 đồng

Tuy nhiên, bà C chỉ thực hiện được trả nợ trong hai năm đầu đến khi dịch bệnh Covid xảy ra hồi tháng 11 năm 2020 thì bà C không còn khả năng trả nợ do làm ăn thua lỗ và gặp nhiều khó khăn. Từ ngày 20/11/2020, V bank không cấp giấy phép lưu hành đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, BKS số 30F-515.44.

Bà C xác nhận việc là người đang sử dụng, quản lý xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, số khung RN2BN5AA6JC104048, số máy P520523054 đã được Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô vào ngày 02/01/2019 cho ông Lê Đức A.

Bà C đề nghị ngân hàng cho thời gian hai tháng để bà C giao xe ô tô là tài sản bảo đảm khoản vay cho ngân hàng và miễn giảm lãi khoản vay cho bà C.

Tại phiên xem xét thực tế, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2023, bà C trình bày việc bà C cho bạn mượn, ông Đức A có biết, bà C và bà L1 mượn xe không làm văn bản chỉ trao đổi với nhau. Bạn của bà C *(là Mai Phương L1, sinh năm 1991, sđt 0963828xxx, địa chỉ ở Tòa nhà S1 S2, V3)* đã mượn chiếc xe để sử dụng vào mục đích cá nhân đến nay bà C chưa lấy lại được chiếc xe.

*** Người làm chứng** - Bà Mai Phương L1 trình bày: Vào tháng 11/2020 bà L1 có mượn chiếc xe của bà Đỗ Lan C biển kiểm soát 30F-51544 để đi công tác tại quê nhà. Bà L1 viết đơn này để xác nhận việc mượn xe này của bà Đỗ Lan C trong thời gian sớm nhất.

***Tại phiên tòa**: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về số liệu các khoản nợ chưa trả tính đến hết ngày 06/9/2023 đề nghị HĐXX giải quyết cụ thể như sau:

+ Nợ gốc là 442,853,942 đồng;
+ Nợ lãi là 251.190.231 đồng
+ Phạt chậm trả lãi là 39.456.053 đồng

Tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán đến 06/9/2023 là 733.500.226 đồng.

+ Về số tiền ông Đức A bà T3 đã trả cho ngân hàng cho đến ngày 06/9/2023 được 92.146.000 đồng nợ gốc, 88.721.943 đồng nợ lãi.

- Ông P, ông T2 trình bày: Ngân hàng xác định trong trường hợp đồng bị đơn không trả đầy đủ hoặc không trả được khoản nợ thì đề nghị HĐXX tuyên V bank có quyền thu giữ, tự xử lý tài sản bảo đảm.

Trong trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm mà số tiền thu từ việc phát mại không đủ trả nợ thì đề nghị HĐXX tuyên V bank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Lê Đức A và vợ là bà Nguyễn Thị Anh T3 để thu hồi nợ cho V bank.

Tức yêu cầu khởi kiện không thay đổi mà chỉ thay đổi thứ tự cho yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Ông Đức A trình bày giữ nguyên ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bà C phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ cho V bank theo hợp đồng vay mà ông Đức A, bà T3 đã ký với V bank.

- Bà C trình bày xác nhận số tiền đã trả cho V bank đúng như ngân hàng trình bày, bà C xin chịu trách nhiệm nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ cho V bank theo hợp đồng vay mà ông Đức A, bà T3 đã ký với V bank.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án**:

[1.1]. Tranh chấp hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô giữa pháp nhân và cá nhân, mục đích vay vốn của bị đơn nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về dân sự.

[1.2]. Theo tài liệu do ngân hàng giao nộp, tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, ông Đức A khai báo đăng ký thường trú tại số B phố H2, phường Tr, quận H, thành phố Hà Nội, bà T3 khai báo đăng ký thường trú tại tổ B1, phường V, quận H1, thành phố Hà Nội. Tại thời điểm thụ lý, không có tài liệu nào khác về địa chỉ cư trú của đồng bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn cùng có ý kiến đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Điều 35; khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng thẩm quyền.

[2]. **Về thủ tục tố tụng**:

[2.1]. Ngày 07/8/2023, có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt đồng bị đơn, các đương sự khác cùng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, ngày 06/9/2023, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.1]. HĐXX xác định bà Mai Phương L1 là người làm chứng trong vụ án để làm rõ sự thật vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**:

[3.1]. Xét hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1812251158627 ngày 03/1/2019 giữa Ngân hàng TMCP V và ông Lê Đức A, bà Nguyễn Thị Anh T3 có hình thức bằng văn bản (*BL 06-09*), các chủ thể ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, tài sản bảo đảm khoản vay là chiếc xe ô tô đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm giao dịch tài sản theo hình thức trực tuyến (*theo quy định việc đăng ký chỉ theo yêu cầu của các bên*). Do vậy, hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1812251158627 ngày 03/1/2019 đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

[3.2]. Xét việc thực hiện hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1812251158627 ngày 03/1/2019:

- Theo thỏa thuận, thời hạn vay của khoản vay giữa hai bên kết thúc vào ngày 03/01/2027;

- Cùng ngày 03/1/2019, ngân hàng đã tiến hành giải ngân theo hình thức chuyển khoản ủy nhiệm chi từ tài khoản Lê Đức A vào tài khoản của Công ty CP A1 Việt Nam với số tiền 535.000.000 đồng.

- Ngày 16/11/2020, khoản vay của ông Đức A bà T3 đã bị tính quá hạn do không thực hiện đúng thỏa thuận.

- Theo tài liệu do ngân hàng cung cấp tại "Bảng kê tính lãi đến ngày 14/6/2023" thấy rằng ông Đức A bà T3 đã trả cho ngân hàng được 92.146.000 đồng nợ gốc, 88.721.943 đồng nợ lãi.

- Theo tài liệu do ngân hàng cung cấp tại phiên tòa thấy rằng ông Đức A bà T3 còn nợ ngân hàng tính đến ngày 06/9/2023:

+ Nợ gốc là 442,853,942 đồng;

+ Nợ lãi là 251.190.231 đồng

+ Phạt chậm trả lãi là 39.456.053 đồng

- Các tài liệu về việc áp dụng lãi suất đối với khoản nợ của khách hàng Đức A, T3 do ngân hàng giao nộp thấy rằng việc áp dụng đã đúng thỏa thuận theo nội dung hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[3.2.1]. Đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đồng bị đơn có nghĩa vụ trả nợ số nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

[3.2.2]. Thỏa thuận về thế chấp tài sản là **Toàn bộ nghĩa vụ của khách hàng** đối với V bank tại khoản 2 Điều 3 của hợp đồng.

Như vậy, đồng bị đơn có nghĩa vụ bàn giao tài sản bảo đảm cho khoản vay cho V bank đồng thời V bank có quyền thu giữ, tự xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, sau khi phát mại mà số nợ không thu đủ và đồng bị đơn tiếp tục không trả nợ thì V bank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Lê Đức A và vợ là bà Nguyễn Thị Anh T3 để thu hồi nợ cho V bank là có căn cứ.

[3.3]. Đối với việc đồng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có cùng ý kiến về sự việc xảy ra về việc sử dụng tài sản bảo đảm:

[3.3.1]. Tại Điều 3 khoản 6 của Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1812251158627 ngày 03/1/2019, Điều 9 của văn bản "Điều kiện giao dịch chung về cho vay và thế chấp xe ô tô" quy định:

"1. Tài sản thế chấp do Khách hàng quản lý và sử dụng. Khách hàng được đầu tư vào Tài sản thế chấp để làm tăng giá trị của Tài sản thế chấp. Toàn bộ phần tài sản tăng thêm được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng như quy định tại Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

2. Trường hợp Khách hàng có nhu cầu cho thuê, cho mượn Tài sản thế chấp thì phải thông báo và được sự đồng ý trước bằng văn bản của V bank trước khi thực hiện. Khách hàng phải thông báo cho Bên thuê, Bên mượn biết việc tài sản đang được thế chấp cho V bank và trong Hợp đồng cho thuê, cho mượn phải có các nội dung sau:

a) Hợp đồng cho thuê, cho mượn sẽ chấm dứt trong trường hợp V bank xử lý Tài sản thế chấp để thu hồi nợ; Bên thuê, Bên mượn phải bàn giao vô điều kiện tài sản cho V bank để xử lý trong thời hạn do V bank thông báo, không được có bất kỳ hành vi nào chống đối, gây cản trở và

b) V bank được yêu cầu Khách hàng, Bên thuê, mượn Tài sản thế chấp phải tuân thủ việc ngừng/chấm dứt hoạt động/giao dịch cho thuê, cho mượn, khai thác, sử dụng Tài sản thế chấp nếu xét thấy việc tiếp tục cho thuê, cho mượn, khai thác, sử dụng Tài sản thế chấp sẽ làm ảnh hưởng tới giá trị của Tài sản thế chấp hoặc việc quản lý, xử lý Tài sản thế chấp của V bank."

Như vậy, ông Đức A bà T3 đã cố tình vi phạm thỏa thuận khi cho mượn tài sản bảo đảm khoản vay mà không có sự đồng ý của V bank.

[3.3.2]. Quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn mặc dù có ý kiến cho rằng bà C có nghĩa vụ trả tiền cho V bank nhưng không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mặc dù xác nhận về việc nhờ đồng bị đơn vay V bank, đứng tên tài sản bảo đảm nhưng không có yêu cầu độc lập, do vậy HĐXX chỉ xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong trường hợp có sự tranh chấp giữa đồng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng thì được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4]. **Về án phí**: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- khoản 3 Điều 40, Điều 117, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 317, Điều 320, Điều 429, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V đối với đồng bị đơn – ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3:

1.1. Buộc ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 06/9/2023 theo "Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1812251158627 ngày 03/1/2019" là 733.500.226 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc là 442,853,942 đồng;

+ Nợ lãi là 251.190.231 đồng

+ Phạt chậm trả lãi là 39.456.053 đồng

1.2. Buộc ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3 có nghĩa vụ, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, tiếp tục trả lãi, phạt theo "Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1812251158627 ngày 03/1/2019" cho đến ngày ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3 thanh toán được toàn bộ khoản vay;

1.3. Trường hợp ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, V bank có quyền thu giữ, tự xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô, nhãn hiệu Mazda 3, số khung RN2BN5AA6JC104048, số máy P520523054, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 30E-515.44 do Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2019, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3 và tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

1.3.1. Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ, ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo "Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1812251158627 ngày 03/1/2019" cho đến khi tất toán toàn bộ nghĩa vụ.

1.3.2. Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm còn thừa thì số tiền còn thừa được trả lại ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3.

1.3.3. Trường hợp phải xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang quản lý, sử dụng tài sản bảo đảm có nghĩa vụ giao nộp để thi hành án.

1.4. Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ, ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3 tiếp tục không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, V bank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Lê Đức A và vợ là bà Nguyễn Thị Anh T3 để thu hồi nợ cho V bank.

2. Án phí:

2.1. Ngân hàng TMCP V được trả lại **13.500.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Biên lai tạm ứng án phí số AA/2020/0052226.

2.2. Ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Anh T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **33.340.309 đồng** (Ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, ba trăm linh chín đồng).

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V, ông Đức A, bà C, vắng mặt bà T3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS quận Hoàn Kiếm;

- Chi Cục Thi hành án DS quận H2;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

NGUYỄN THU HÀ